

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 5 – 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

Ông Huỳnh Khởi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diễn-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020, [Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2020](#) và [Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2020](#), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 119A, Ấp X, xã T, [huyện K, tỉnh Sóc Trăng](#).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Vào năm 1990, bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là Trương Văn H, sinh ngày 11/3/1992 và Trương Thị Mỹ V, sinh ngày 04/9/2001 đều trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần.

Do vợ chồng không còn tình cảm, nên không quan tâm đến nhau. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể tồn tại được, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trương Văn L.

- Về con chung: Điều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, **nên cũng không yêu cầu giải quyết.**

\*Bị đơn ông Trương Văn L không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

\*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Văn L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. **Từ năm 1990 đến nay**, bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L **tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật**. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Lợi. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận.

**[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống như vợ chồng**, bà H và ông Lợi có 02 con chung tên là Trương Văn H, sinh ngày 11/3/1992 và Trương Thị

Mỹ V, sinh ngày 04/9/2001 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Tuyên xử:***

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L.

2) Về con chung: Bà H và ông Lợi có 02 người con chung tên là Trương Văn H, sinh ngày 11/3/1992 và Trương Thị Mỹ V, sinh ngày 04/9/2001 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001038, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

6) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vinh Thắng**